TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 116/2026/HS-ST
Ngày 21-07-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Phan Công Tồn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Túy Uyển.
Ông Võ Hoàng .

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Thị Như Quỳnh - Thư ký Tòa án, Tòa án Nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án Nhân dân khu vực 7 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2026/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2026 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2026/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Như T** (tên gọi khác: Không), sinh ngày 25 tháng 8 năm 1996 tại thành phố H. Số căn cước công dân: 046096004339, cấp ngày 13 tháng 01 năm 2026.

Nơi thường trú: Tổ dân phố T, phường H, thành phố H; nơi ở trước khi bị bắt: Không có nơi cư trú ổn định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Như T1, sinh năm 1963 và bà Đặng Thị Minh T2, sinh năm 1964; bị cáo có vợ Lê Thị Hồng T3, sinh năm 1996 và có 02 con sinh năm 2019 và năm 2023;

Tiền án: 01. Ngày 26/3/2024, Tòa án nhân dân thành phố Quãng Ngãi, tỉnh Quãng Ngãi (cũ) tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Ngày 11/01/2026 đã chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa được xoá án tích.

Tiền sự: Không;

Bị cáo Trần Như T bị tạm giữ từ ngày 23/3/2026 đến ngày 01/4/2026, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang tạm giam tại Phân trại tạm giam Pleiku thuộc Trại tạm giam số 1, Công an tỉnh G. *Có mặt*.

- *Bị hại:* Ông Tô Hải T4, sinh năm 1994; địa chỉ: Số E đường T, tổ G, phường D, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Tô Long H, sinh năm 1972; địa chỉ: Số E đường T, tổ G, phường D, tỉnh Gia Lai. *Vắng mặt.*

- *Người làm chứng*:

1. Ông Phan Nhật C, sinh năm 1993; địa chỉ: Số B đường C, phường P, tỉnh Gia Lai. *Có mặt.*

2. Bà Trần Ngọc N, sinh năm 1988; địa chỉ: Số C đường P, tổ G, phường T, tỉnh Gia Lai. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

a) Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào ngày 07/3/2026, Trần Như T (sinh năm: 1996; thường trú: Tổ dân phố T, phường H, thành phố H) sử dụng mạng xã hội Facebook để tìm mua xe cũ thì thấy có trang Facebook đăng thông tin cửa hàng X, có số điện thoại của chủ cửa hàng là anh Tô Hải T4 (sinh năm: 1994; thường trú: Tổ G, phường D, tỉnh Gia Lai) nên T điện thoại rồi kết bạn Z với anh T4. Sau khi kết bạn Zalo với anh T4, T đề cập hỏi mua xe cũ và hỏi có bán trả góp không thì anh T4 nói T phải liên hệ Ngân hàng để hỏi chứ từ trước đến nay anh T4 không bán xe trả góp.

Đến khoảng 06 giờ 30 ngày 22/3/2026, Trần Như T đến nhà nghỉ V thuộc hẻm B đường N, phường D, tỉnh Gia Lai thuê phòng nghỉ. Đến trưa cùng ngày, T nảy sinh ý định đến cửa hàng X, số C đường L, phường A, tỉnh Gia Lai để giả vờ hỏi mua xe và xin chạy thử xe để chiếm đoạt. Thực hiện ý định trên, T sử dụng Z đã kết bạn với anh Tô Hải T4 trước đó để nhắn tin với anh T4, hỏi có xe mô tô ở cửa hàng không qua xem trực tiếp. Sau khi được anh T4 đồng ý và hẹn đến cửa hàng thì T đi bộ từ nhà nghỉ V đến đầu đường P, phường D, tỉnh Gia Lai, thấy có số điện thoại của G1 in tờ rơi dán trên tường, T đã dùng số điện thoại này gọi điện thoại đặt xe chở đến số C L.

Khoảng 12 giờ 30 cùng ngày, chị Trần Ngọc N (sinh năm: 1988, trú tại: 347/7/6 đường P, tổ G, phường T, tỉnh Gia Lai, là nhân viên chạy xe G1) nhận được cuốc xe của T nên điều khiển xe đến đón T tại số C đường P, phường D, tỉnh Gia Lai và chở T đi. Quá trình di chuyển T có nói chuyện với chị N về việc đi mua xe cũ, chị N giới thiệu và chở T đến cửa hàng xe máy số A đường L, phường H, tỉnh Gia Lai để xem xe, tại đây T có xem 01 xe loại Airblade, rồi xin chủ cửa hàng đi thử thì chủ cửa hàng đồng ý nhưng với điều kiện là chủ cửa hàng ngồi sau xe đi cùng T. Do chủ cửa hàng đi cùng nên T không thực hiện được ý định trước đó của mình vì vậy T nói không lấy xe và tiếp tục nói chị N chở đến cửa hàng C đường L để xem xe. Khi đến cửa hàng Hải Trung ở số C đường L, phường A, tỉnh Gia Lai, T và chị N đi vào trong cửa hàng để xem xe. T đi xem xe một vòng rồi lại đứng nói chuyện với chị N để anh T4 nghĩ rằng chị N là người nhà của T. Sau đó, T chọn chiếc xe hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh lá, biển số 81B3-308.63 và đứng trao đổi giá với anh T4 thì được anh T4 báo giá

là 20.000.000 đồng. T đưa ra lý do xin chạy thử xe, vì nghĩ chị N là người thân của T và vẫn còn đứng tại cửa hàng xe nên anh T4 tin tưởng đồng ý giao xe cho T chạy thử. Sau khi được anh T4 giao xe thì T điều khiển xe đi một vòng rồi quay lại trước cửa hàng xe của anh T4 rồi T điều khiển xe đi thẳng về phòng số 7, nhà nghỉ V thuộc hẻm B đường N, phường D, tỉnh Gia Lai cất giấu để chiếm đoạt đối với chiếc xe nêu trên. Khoảng 05 phút sau không thấy Trần Như T điều khiển xe quay lại thì chị Nguyễn Thành N1 gọi điện vào số điện thoại của T nhưng không liên lạc được, nên anh Tô Hải T4 đến hỏi chị N1 thì biết được chị N1 là lái xe công nghệ G, không quen biết với T. Nhận thấy mình bị T lừa đảo để chiếm đoạt tài sản nên anh Tô Hải T4 đã tố giác đến Công an phường A, tỉnh Gia Lai.

Đến 18 giờ 20 phút cùng ngày. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã bắt giữ được Trần Như T cùng tang vật khi đang lẩn trốn tại phòng số 7, nhà nghỉ V thuộc hẻm B đường N, phường D, tỉnh Gia Lai. Tại Cơ quan điều tra Trần Như T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS, ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự phường A kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh lá, biển số: 81B3-308.63 mua cũ năm 2022 với giá 16.000.000 đồng, tại thời điểm định giá 22/3/2026 xe mô tô trên trị giá: 19.000.000 đồng (mười chín triệu đồng).

b) Về các vấn đề khác của vụ án:

- *Về dân sự:* Sau khi định giá xong, Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng, trả chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu xanh lá, biển số: 81B3-308.63 cho chủ sở hữu là anh Tô Hải T4. Hiện anh Tô Hải T4 không có yêu cầu bồi thường dân sự.

- *Về kết luận định giá:* Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐĐGTS, ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự phường A.

c) Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Tại Bản Cáo trạng số 39/CT-VKSGLI-KV ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai truy tố bị cáo Trần Như T về tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và không có ý kiến về nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai đã truy tố. Đồng thời cũng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Trần Như T theo bản cáo trạng đã công bố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Như T phạm tội: *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

- Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung

năm 2017; đề nghị xử phạt bị cáo Trần Như T mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội, xử buộc bị cáo Trần Như T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không có ý kiến kiến tranh luận đối với luận tội, Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, bị cáo thật sự hối hận và xin lỗi bị hại. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình chăm sóc con còn nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa vắng mặt bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự

[2] Về chứng cứ xác định có tội đối với bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên toà và trong quá trình điều tra phù hợp với lời khai của bị hại; người làm chứng; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 22/3/2026, tại cửa hàng X số C đường L, phường A, tỉnh Gia Lai. Trần Như T đã đưa ra thông tin gian dối giả vờ mua xe và xin chạy thử xe được anh T4 đồng ý đã chiếm đoạt của anh Tô Hải T4 01 chiếc xe mô tô biển số 81B3-308.63 có giá trị 19.000.000 đồng. Đến 19 giờ 00 phút cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã bắt được Trần Như T cùng tang vật.

[3] Hành vi đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá 19.000.000 đồng do bị cáo Trần Như T thực hiện như đã nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản, xâm phạm trật tự trị an xã hội, đã phạm vào tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai đã truy tố là có căn cứ, đúng quy định.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2025/HSST ngày 26/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi (cũ), tỉnh Quảng Ngãi, xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/01/2026 nhưng chưa được xóa án tính theo quy định, mà lại cố ý thực hiện hành vi phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Tái phạm"* theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7- Gia Lai là có cơ sở.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Gia Lai đã đề nghị là phù hợp.

[6] Tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Bằng thủ đoạn gian dối giả vờ đi mua xe, xin đươc chạy thử xe làm cho bị hại tin tưởng đồng ý giao xe cho bị cáo nhằm chiếm đoạt tài sản trị giá 19.000.000 đồng. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì phục vụ cho nhu cầu cá nhân bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", bị cáo đã bị kết án nhưng chưa được xóa án tích mà lại cố ý thực hiện hành vi phạm tội mới cho thấy bị cáo có nhân thân xấu và bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm". Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, xử phạt bị cáo mức án phù hợp tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự quy định *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản"* nên bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy hành vi phạm tội không liên quan đến nghề nghiệp; bản thân bị cáo không có tài sản riêng. Do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là anh Tô Hải T4 đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, hiện không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự nên không xem xét.

[9] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Trần Như T, quá trình điều tra xác định: Qua test nhanh ma tuý, Trần Như T dương tính với chất ma túy Methamphetamin. T khai nhận vào ngày 19/03/2026, có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy một mình tại bãi đất trống đường T, phường A, tỉnh Gia Lai. Tuy nhiên, qua điều tra thì T không thuộc diện đối tượng quản lý về ma tuý, không thuộc diện đối tượng quản lý cai nghiện và sau cai nghiện. Do đó, hành vi của T không cấu thành tội "Sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại Điều 256a Luật số 86/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, ngày 10/5/2026, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh G đã chuyển toàn bộ tài liệu có liên quan đến việc T sử dụng trái phép chất ma túy cho Công an phường A, tỉnh Gia Lai xử phạt vi phạm hành chính đối với Trần Như T về hành vi: "Sử dụng trái phép chất ma túy nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự" theo quy định điểm a khoản 1 Điều 30 Nghị định số 282/2025/NĐ-CP ngày 30/10/2025 của Chính Phủ, quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng, chống bạo lực gia đình là phù hợp, đúng quy đinh.

[10] Đối với chị Trần Ngọc N, là người chở Trần Như T đến tiệm mua bán xe của anh Tô Hải T4. Quá trình điều tra xác định, giữa chị N và Trần Như T không có

quen biết với nhau. Ngày 22/3/2026, chị N là người chạy xe Grap được T đặt xe nên đã điều khiển mô tô chở T đi xem xe theo yêu cầu của T, chị N không biết mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản của T. Do đó, chị N không đồng phạm với T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự là có cơ sở nên không xem xét.

[11] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Như T phạm tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 và Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trần Như T **01 (một) năm 06 (sáu)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 23 tháng 3 năm 2026).

2. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Trần Như T phải chịu 200.000 đồng (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 7 - Gia Lai;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Gia Lai;
- Phân trại tạm giam Pleiku;
- Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 7 - Gia Lai;
- Bị cáo; bị hại;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phan Công Tồn